

• Trường hợp 2 (a = b)

	DNA không vay (VCSH =3.000)	DNB vay 1000 (VCSH =2.000)	DNC vay 2000 (VCSH =1.000)
LN trước thuế và lãi vay	300	300	300
Chi phí lãi vay	0	100	200
Lợi nhuận trước thuế	300	200	100
Thuế thu nhập (thuế suất 28%)	84	56	28
Lợi nhuận sau thuế (lãi ròng)	216	144	72
Tỷ suất LN/VCSH	7,2%	7,2%	7,2%

Tăng nợ không làm thay đổi tỷ suất LN/VCSH

• Trường hợp 3 (a > b)

	DNA không vay (VCSH =3.000)	DNB vay 1000 (VCSH =2.000)	DNC vay 2000 (VCSH =1.000)
LN trước thuế và lãi vay	360	360	360
Chi phí lãi vay	0	100	200
Lợi nhuận trước thuế	360	260	160
Thuế thu nhập (thuế suất 28%)	100,8	72,8	44,8
Lợi nhuận sau thuế (lãi ròng)	259,2	187,2	115,2
Tỷ suất LN/VCSH	8,64%	9,36%	11,52%

Càng tăng nợ càng làm tăng tỷ suất LN/VCSH

Như vậy tùy theo tình hình kinh doanh (bằng cách so sánh a và b) mà các nhà quản lý có thể quyết định tăng hoặc giảm nợ vay trong cấu trúc tài chính của doanh nghiệp để gia tăng tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu.

Ngoài ra khi so sánh 3 doanh nghiệp trên ta giả sử rằng cả ba doanh nghiệp cùng có vốn là 3000 triệu đồng nhưng cách sử dụng vốn của mỗi doanh nghiệp là khác nhau. Doanh nghiệp B và C có vay sẽ sử dụng phần vốn chủ sở hữu còn lại đầu tư vào một cơ hội khác.

Trong điều kiện kinh doanh thuận lợi (trường hợp 3) càng tăng nợ vay trong cơ cấu tài sản sẽ càng làm tăng tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu, chứng tỏ vốn chủ sở hữu được sử dụng có hiệu quả. Nếu trong cơ cấu nợ có một phần không phải nợ vay mà là nợ chiếm dụng được của doanh nghiệp khác (không phải trả lãi) thì lãi nợ vay sẽ giảm bớt và lợi nhuận trước thuế cũng như sau thuế sẽ tăng lên tương ứng, dẫn đến tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu sẽ cao hơn trường hợp nợ hoàn toàn là nợ vay.

Tóm lại, việc nghiên cứu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu trong mối quan hệ với sự thay đổi của cơ cấu vốn có ý nghĩa kinh tế quan trọng cho các nhà quản lý doanh nghiệp khi quyết định sử dụng các nguồn tài trợ để thực hiện các phương án kinh doanh nhằm đạt lợi nhuận tối đa ■

Cơ chế quản lý tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước

Thạc sĩ BÙI THỊ KIM QUI

Việt Nam, ở thời kỳ trước đổi mới, trong khuôn khổ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, khu vực doanh nghiệp nhà nước (DNNN) giữ một vai trò đặc biệt. Nó được đồng nhất với kinh tế XHCN. Đổi mới kinh tế mà thực chất là chuyển sang nền kinh tế thị trường, kinh tế nhà nước phát huy vai trò chủ đạo trong nền kinh tế: nắm những vị trí then chốt, là nhân tố mở đường cho sự phát triển kinh tế, là lực lượng vật chất quan trọng và là một công cụ để nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

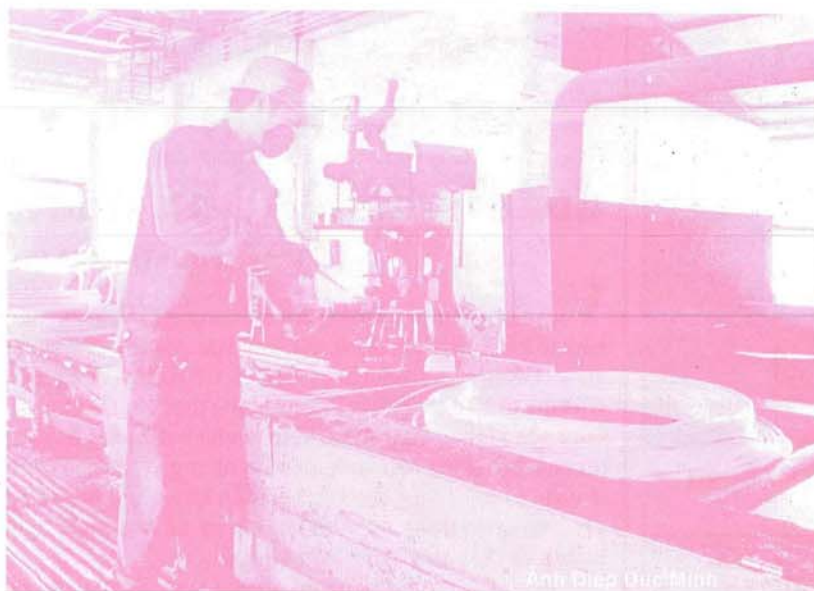
Hơn 10 năm qua nền kinh tế nhà nước đã hình thành và phát triển đồng bộ hơn. Từng bước đổi mới cơ chế, chính sách quản lý tài chính đối với DNNN, chuyển từ cơ chế quản lý hành chính sang mở rộng quyền tự chủ tài chính, quyền tự chủ kinh doanh và chế độ tự chịu trách nhiệm của các DNNN. Tạo điều kiện thuận lợi về tài chính để khuyến khích kinh doanh; bước đầu xử lý có kết quả các vấn đề nợ quá hạn giữa các doanh nghiệp và giữa các doanh nghiệp với ngân hàng; thực hiện ưu đãi tài chính, đẩy nhanh quá trình sắp xếp lại, đa dạng hóa các hình thức sở hữu của các doanh nghiệp được triển khai khá mạnh mẽ và đem lại kết quả nhất định. Theo đánh giá của các chuyên gia: "Tốc độ tăng trưởng của các DNNN còn chậm, hiệu quả sử dụng vốn và sức cạnh tranh của các DNNN còn thấp, chưa tương xứng với tiềm lực và lợi thế sẵn có. Nhiều doanh nghiệp chưa thực hiện tốt việc bảo toàn và phát triển vốn, tình trạng ăn vào vốn, mất vốn vẫn còn..." Chính vì vậy, đổi mới căn bản chính sách, hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính DNNN là vấn đề cấp thiết.

1. Thực trạng

1.1 Thực trạng về DNNN

DNNN phát triển nhanh ở giai đoạn 1991-1995 với tốc độ tăng trưởng bình quân 11,7%, gấp 1,5 lần tốc độ tăng trưởng bình quân của nền kinh tế. Từ 1998 trở lại đây tốc độ tăng trưởng của DNNN chậm lại nhưng DNNN vẫn tiếp tục đóng vai trò then chốt trong nhiều lĩnh vực, ảnh hưởng lớn đến tốc độ phát triển kinh tế (nộp ngân sách hàng năm chiếm 40% tổng thu NSNN và hơn 50% kim ngạch xuất khẩu).

Trong những năm qua DNNN đã đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, đã có những đóng góp to lớn trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế phù hợp với tình hình có chiến tranh cũng như trong thời kỳ hoà bình. Tuy nhiên, DNNN vẫn còn yếu kém, tồn tại trong hoạt động. Về khách quan: Do ảnh hưởng của tình hình kinh tế thế giới, cùng với những thiên tai nặng nề đã làm cho DNNN gặp khó khăn trong hoạt động kinh doanh, giảm



Ảnh Diệp Quốc Minh

hiệu quả kinh tế; DNNN phần lớn được đầu tư, thành lập trong thời kỳ bao cấp, công nghệ thiết bị lạc hậu, vốn ít không có khả năng đổi mới công nghệ thiết bị nên ảnh hưởng nhiều đến năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh. Về mặt chủ quan: Số lượng DNNN vẫn còn nhiều, tản mạn ở nhiều ngành. Lĩnh vực khác nhau, chưa tập trung vào những ngành then chốt hoặc những ngành mà các doanh nghiệp hoặc các thành phần kinh tế khác không làm được; Nhà nước chưa có định hướng, quy hoạch đầu tư ngành hoặc lĩnh vực mũi nhọn của nền kinh tế; Nhận thức và thực hiện cơ chế, chính sách của các Bộ, ngành, địa phương chưa tốt; Tư tưởng muốn bao cấp lại cho doanh nghiệp; Trình độ của một bộ phận không ít người quản lý điều hành doanh nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu của cơ chế thị trường.

1.2 Thực trạng về cơ chế quản lý tài chính đối với DNNN

1.2.1 Quản lý vốn và tài sản

Triển khai Luật DNNN, ngày 3.12.2004, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 199/NĐ-CP về Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác. Quy chế này có thể coi là một sự đổi mới tư duy theo hướng mở rộng quyền tự chủ và tăng tính tự chịu trách nhiệm của công ty nhà nước; đã cải tiến một

bước về cơ chế quản lý vốn của nhà nước tại các doanh nghiệp. Điểm mới của Luật là đã xác định rõ hơn trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân trong việc quản lý và đại diện của phần vốn của nhà nước tại các doanh nghiệp; Việc thành lập tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn của Nhà nước sẽ làm thay đổi căn bản phương thức nhà nước tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, năng động và hiệu quả hơn. Tuy nhiên, tổng công ty có nhiệm vụ "bảo toàn vốn nhà nước" chứ không phải là "đem lại hiệu quả", những vướng mắc cơ bản về quản lý hành chính sẽ cơ bản được gỡ, còn lại phụ thuộc vào việc tuyển chọn cũng như năng lực quản lý của cán bộ.

1.2.2 Quản lý doanh thu và chi phí

Việc quy định phạm vi doanh thu và phạm vi chi phí còn nhiều điều bất cập và thiếu nhất quán, không phù hợp với tình hình thực tế của cơ chế thị trường. Trong các văn bản về quản lý chi phí kinh doanh của DNNN còn lẫn lộn giữa chức năng quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp và chức năng chủ sở hữu nhà nước đối với các DNNN.

1.2.3 Phân phối thu nhập

+ Cơ chế phân phối thu nhập của DNNN đã có một số thay đổi so với cơ chế trước đây. Sự thay đổi này thể

hiện sự nhìn nhận, đánh giá đúng mức hơn quyền tự chủ của doanh nghiệp trong phân phối lợi nhuận sau thuế.

+ Về chính sách tiền lương: tiền lương được tính trong giá thành và lấy từ doanh thu nhưng do doanh thu thấp nên tỷ trọng tiền lương trong doanh thu ở các DNNN còn thấp. Người lao động không sống bằng tiền lương mà sống bằng thu nhập. Trong tổng thu nhập, phần tiền lương chỉ chiếm 1/4-1/3, còn lại là do các đơn vị mang lại. Việc phân phối này được các đơn vị phân phối một cách tùy tiện, dẫn đến sự rối loạn trong phân phối. Ngoài ra, người lao động còn có các khoản thu nhập từ các công việc khác. Điều này làm cho tiền lương không trở thành động lực thu hút người lao động và là đòn bẩy để thúc đẩy kinh tế phát triển.

+ Về thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế thu nhập doanh nghiệp của nước ta hiện nay chưa thống nhất giữa Luật đầu tư trong nước và nước ngoài gây nên sự bất bình đẳng giữa các nhà đầu tư.

+ Trích lập quỹ: Nhà nước quy định nhiều loại quỹ bắt buộc cho doanh nghiệp gây khó khăn cho việc tập trung vốn; Việc căn cứ trên mức lương để trích hai quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi là thiếu hợp lý và không công bằng.

Tóm lại, trong thời gian qua cơ chế và chính sách quản lý tài chính DNNN đã có nhiều bước đổi mới, hoàn thiện, phù hợp với tình hình đổi mới kinh tế của nước ta. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng còn nhiều điểm hạn chế cần phải hoàn thiện hơn.

● Những ưu điểm trong cơ chế và chính sách quản lý tài chính DNNN

Từng bước đổi mới cơ chế tập trung, bao cấp trong các mặt quản lý tài chính DNNN. Tạo được quyền tự chủ rất cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý tài chính, dần dần tạo được sân chơi bình đẳng cho các loại hình doanh nghiệp.

● Những tồn tại trong cơ chế và chính sách quản lý tài chính DNNN

- Những quy định về quy chế tài chính trong luật chưa hoàn thiện, chưa đầy đủ và chưa nhất quán.

- Cơ chế tài chính cho doanh nghiệp hoạt động kinh doanh và hoạt động công ích chưa được tách bạch rõ ràng, khó thực hiện.

- Quyền chủ sở hữu của nhà nước đối với doanh nghiệp và quyền sở hữu của doanh nghiệp đối với tài sản chưa phân định rõ ràng.

- Quyền của doanh nghiệp trong công tác quản lý tài chính mặc dù đã được mở rộng nhiều nhưng còn nhiều vấn đề vẫn chịu ràng buộc, chưa thực sự giao quyền chủ động cho doanh nghiệp.

- Trách nhiệm của người quản lý và điều hành doanh nghiệp chưa được quy định cụ thể, rõ ràng và chưa tương xứng với quyền đã giao cho họ. Việc kiểm tra xử lý trách nhiệm càng chưa được thực hiện triệt để.

- Quyền hạn và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước, của pháp nhân doanh nghiệp và của bộ máy quản lý doanh nghiệp chưa được tách biệt. Phương thức quản lý tài chính đối với doanh nghiệp vẫn mang tính chất hành chính vừa sự vụ, vừa lỏng lẻo, kém hiệu quả.

- Sự ưu đãi của Nhà nước đối với các tổng công ty đã làm giảm tính cạnh tranh của các doanh nghiệp nói chung, khuynh hướng kinh doanh độc quyền ngày càng đậm nét, tạo ra một sân chơi không bình đẳng trong kinh doanh và làm ảnh hưởng lan rộng trong hoạt động của các tổng công ty.

2. Các giải pháp

2.1 Quan điểm cơ bản về đổi mới DNNN

Thống nhất vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước và vai trò nòng cốt của DNNN phải dựa vào yêu cầu nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội là chủ yếu; từng bước tạo lập môi trường sản xuất kinh doanh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế; tách bạch rõ chức năng quản lý nhà nước, quản lý của chủ sở hữu với chức năng quản trị kinh doanh của doanh nghiệp; xóa bỏ cơ chế chủ quản; phân định rõ quyền của các cơ quan nhà nước thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu đối với DNNN; cơ cấu lại vốn và tài sản theo hướng tích cực và có hiệu quả, giảm các khoản nợ xấu và tài sản tồn đọng; kiên quyết và khẩn trương xóa bỏ tình trạng bao cấp,

bảo hộ bất hợp lý, đặc quyền và độc quyền trong kinh doanh của các DNNN.

2.2 Các giải pháp hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính DNNN trong nền KTTT

2.2.1 Các giải pháp tiền đề

2.2.1.1 Sắp xếp lại hệ thống DNNN:

- Đối với các doanh nghiệp cần duy trì hình thức công ty nhà nước: tiếp tục thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại công ty nhà nước, chuyển các tổng công ty sang mô hình công ty mẹ - công ty con, hình thành các tập đoàn kinh tế mạnh. Căn cứ Nghị định 63/2004/NĐ-CP để chuyển hầu hết các công ty khác thuộc diện phải giữ 100% vốn nhà nước (DNNN, doanh nghiệp của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội) sang vận hành theo cơ chế công ty TNHH một thành viên nhà nước.

- Đối với các doanh nghiệp thuộc diện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu: Triển khai thực hiện cổ phần hóa. Đặc biệt đẩy nhanh thí điểm cổ phần hóa một số tổng công ty lớn để tăng số lượng và chất lượng hàng hóa của thị trường chứng khoán, góp phần phát triển thị trường chứng khoán, thị trường vốn và minh bạch quá trình cổ phần hóa công ty nhà nước. Thực hiện đưa giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa; định giá doanh nghiệp cổ phần hóa thông qua các định chế trung gian, có cơ chế để tạo điều kiện cho các nhà đầu tư chiến lược tham gia góp vốn, chấm dứt cổ phần hóa khép kín trong nội bộ doanh nghiệp.

- Hoàn thiện, ban hành các quy định liên quan đến lĩnh vực đa dạng hóa các hình thức chuyển đổi sở hữu: giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê doanh nghiệp; đồng thời đổi mới phương thức bán doanh nghiệp thông qua hình thức đấu giá.

- Các doanh nghiệp còn lại không đủ điều kiện chuyển đổi sở hữu thì kiên quyết thực hiện giải thể, phá sản theo quy định của Luật phá sản (năm 2003) Nghị định số 180/2004/NĐ-CP về thành lập mới, tổ chức lại và giải thể công ty nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan.

2.2.1.2 Đổi mới phương thức

quản lý nhà nước về kinh tế:

- Việc đổi mới phương thức quản lý này thể hiện ở việc đổi mới các quan hệ sau: Một là, đổi mới quan hệ đối với cơ quan quản lý nhà nước: Hệ thống pháp luật hoàn chỉnh để từng bước xóa bỏ sự khác biệt về chính sách giữa các loại hình doanh nghiệp, tạo môi trường bình đẳng, hạn chế cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp trong nền kinh tế. Môi trường kinh doanh ổn định và lành mạnh. Hai là, đổi mới quan hệ của các cơ quan chức năng.

2.2.1.3 Cải cách bộ máy quản lý trong nội bộ doanh nghiệp:

Đi đôi với việc cải tiến cơ chế quản lý cần thiết phải đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý hiện có để thích ứng với việc quản lý kinh tế theo cơ chế thị trường.

2.2.2 Hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính nhằm nâng cao quyền tự chủ tài chính cho các DNNN

2.2.2.1 Đối với doanh nghiệp hoạt động kinh doanh:

a) Tạo lập, huy động, quản lý và sử dụng vốn

• Tạo lập, huy động vốn

- Phải có chính sách đảm bảo vốn pháp định.

- Nhà nước cần có chính sách tín dụng đúng đắn nhằm tạo môi trường kinh tế và pháp lý để phát triển đa dạng các loại hình tín dụng.

- Cạnh tranh thủ thu hút vốn đầu tư nước ngoài bằng các hình thức liên doanh, liên kết giữa các DNNN với các tổ chức kinh tế và cá nhân nước ngoài, hoàn thiện luật pháp quản lý đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Phát triển các hình thức liên doanh, liên kết giữa các DNNN với nhau và với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác dưới hình thức lập các công ty trách nhiệm hữu hạn.

- Giải quyết hợp lý mối quan hệ giữa tập trung nguồn thu vào ngân sách và nhu cầu tích tụ vốn ở doanh nghiệp.

• Quản lý và sử dụng vốn

- Ban hành cơ chế đầu tư cho doanh nghiệp, xác định rõ quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp trong công tác đầu tư theo hướng mở rộng

quyền tự quyết của doanh nghiệp đối với dự án đầu tư đồng thời quy định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp khi đầu tư không có hiệu quả.

- Xây dựng cơ chế để doanh nghiệp tự bổ sung nguồn kinh doanh bằng các nguồn hợp pháp. Nhà nước không cấp vốn cho doanh nghiệp. Doanh nghiệp tự quyết định các hình thức huy động vốn phù hợp với quy mô sản xuất và phương án kinh doanh, chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn vay và nguồn để trả cả gốc và lãi cho người vay vốn. Nhà nước chỉ hỗ trợ vốn trong điều kiện có thể đối với những doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả, hạn chế và đi đến chấm dứt các hình thức hỗ trợ mang tính bao cấp cho doanh nghiệp.

- Xác định rõ quyền sở hữu tài sản của doanh nghiệp, bỏ sự can thiệp của cơ quan nhà nước đối với các vấn đề tài sản của doanh nghiệp.

- Xây dựng cơ chế xử lý linh hoạt gắn với tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp đối với việc thanh lý, nhượng bán tài sản, xử lý tổn thất về tài sản của doanh nghiệp.

b) Quản lý doanh thu, chi phí

- Cơ chế quản lý chi phí của doanh nghiệp theo hướng mở rộng quyền của người quản lý và điều hành doanh nghiệp trong việc quyết định các khoản chi phí, trên cơ sở trách nhiệm rõ ràng, cụ thể.

- Xây dựng và ban hành cơ chế kiểm soát chi phí của các doanh nghiệp trong các ngành có lợi thế hoặc độc quyền, chống việc lợi dụng những lợi thế, độc quyền để tạo nên những đặc quyền, đặc lợi.

c) Phân phối lợi nhuận

- Cần khẳng định lợi nhuận sau thuế là của Nhà nước, Nhà nước có toàn quyền quyết định việc sử dụng các khoản lợi nhuận này. Nhà nước dành một phần khoản lợi nhuận sau thuế để khen thưởng và đảm bảo phúc lợi cho người lao động trong doanh nghiệp, song không tạo thành một đặc quyền của họ so với những người lao động ở các doanh nghiệp khác tạo nên sức ỳ khi chuyển đổi hình thức sở hữu.

- Xác định lại hệ thống quỹ của doanh nghiệp. Lợi nhuận sau thuế sau khi dành một phần để trích quỹ khen

thưởng, phúc lợi, còn lại dùng để đầu tư đổi mới công nghệ, thay thế thiết bị, bổ sung vào vốn cho doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp không có các nhu cầu này hoặc Nhà nước thấy không cần thiết phải đầu tư lại cho doanh nghiệp thì nhà nước sẽ thu hồi lại để đầu tư cho những doanh nghiệp có nhu cầu hoặc cần thiết phải đầu tư.

- Cải cách chế độ tiền lương: Thực hiện chế độ tiền lương theo chức danh tiêu chuẩn, tiền lương phải thực sự là thu nhập chủ yếu của người lao động đủ sức nuôi sống bản thân người lao động và gia đình (thậm chí còn có tích lũy), còn tiền thưởng chỉ là thứ yếu nhằm kích thích người lao động hoàn thành tốt công việc được giao.

2.2.2.2 Đối với doanh nghiệp hoạt động công ích:

- Nhà nước nên có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế thực hiện hoạt động công ích. Nhà nước chỉ trực tiếp tham gia cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích khi các đối tượng khác không làm hoặc không được phép làm.

- Xây dựng cơ chế tài chính cho việc thực hiện các sản phẩm và dịch vụ công ích.

2.2.3 Hoàn thiện cơ cấu tổ chức hoạt động của DNNN trong cơ chế KTTT

- Thành lập công ty TNHH một thành viên: Quá trình chuyển đổi này sẽ tạo môi trường pháp lý bình đẳng tiến tới việc các doanh nghiệp hoạt động theo luật thống nhất. Bằng việc chuyển đổi và những tác động tích cực, các doanh nghiệp sẽ kinh doanh hiệu quả hơn, nâng cao được sức cạnh tranh của mình, đáp ứng được yêu cầu hội nhập của khu vực và quốc tế.

- Thành lập tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước sẽ giúp thực hiện quản lý thống nhất các nguồn vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả, bảo toàn và phát triển nguồn vốn nhà nước; phân định rõ quản lý nhà nước và quyền tự chủ sản xuất

- Kinh doanh của doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước không can thiệp trực tiếp vào hoạt động sản xuất-kinh doanh của doanh nghiệp; chuyển

từ cơ chế cấp vốn trực tiếp cho doanh nghiệp sang hình thức đầu tư vốn vào doanh nghiệp, tiến tới xóa bỏ việc cấp vốn từ NSNN đối với DNNN không cần nắm giữ 100% vốn; đẩy nhanh quá trình sắp xếp, đổi mới DNNN và thúc đẩy thị trường vốn và thị trường chứng khoán phát triển.

- Hoàn thiện cơ chế tài chính trong mô hình tổng công ty: Đẩy mạnh việc sắp xếp, kiện toàn tổng công ty nhà nước và thành lập tập đoàn kinh tế trong một số lĩnh vực then chốt nhất của nền kinh tế mà ta có điều kiện, có thế mạnh, có khả năng phát triển để cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả.

Kết luận

Cải cách DNNN là một yêu cầu cấp thiết được đặt ra hiện nay nhằm nâng cao năng lực hoạt động, tăng cường khả năng cạnh tranh và phát huy vai trò chủ đạo, quyền chủ động trong kinh doanh của doanh nghiệp.

Hiện nay, khu vực DNNN đang nắm trong tay hầu hết các ngành kinh tế chủ chốt và khối lượng vốn, tài sản quốc gia rất lớn. Do vậy, nếu tiếp tục hoạt động kém hiệu quả thì nó sẽ trở thành lực cản lớn nhất đối với sự cất cánh của toàn bộ nền kinh tế, làm cho tình hình tài chính tiền tệ trở nên tồi tệ và phức tạp hơn. Chính vì vậy, vấn đề cải cách và nâng cao hiệu quả kinh doanh, sử dụng vốn của khu vực DNNN có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với nền kinh tế, với chính vấn đề DNNN có thể thực hiện được vai trò chủ đạo đích thực của mình hay không?

Để tiến hành cải cách có hiệu quả đòi hỏi phải tiếp tục đổi mới triệt để trong nhận thức, tư duy về khu vực DNNN, từ đó hình thành chiến lược cải cách nhất quán nhằm loại bỏ sự ô m đ m bất hợp lý của nhà nước đối với khu vực kinh tế này, chuyển hẳn sang phương châm "Nhà nước chỉ nắm cái lớn, cái then chốt". Nhà nước thực hiện chức năng quản lý nền kinh tế bằng luật, điều chỉnh kinh tế bằng đòn bẩy kinh tế là chủ yếu chứ không phải bằng số lượng DNNN công kênh, làm ăn thua lỗ. Tuy nhiên, để giải quyết vấn đề này phải có thời gian, song lộ trình phải rõ, quan điểm phải nhất quán ■